

Số: 171 /TB-CCTT&BVTV

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2025

Kính gửi:

- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Trung tâm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phía Bắc;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**THÔNG BÁO**  
**TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 7 NGÀY**

(Từ 16/4/2025 đến ngày 23/4/2025)

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG**

**1. Thời tiết**

- Nhiệt độ: Trung bình: 28<sup>0</sup>C; Cao: 32<sup>0</sup>C; Thấp: 22<sup>0</sup>C.
- Nhận xét khác: Trong kỳ trời nắng nóng.

**2. Cây trồng**

Đối tượng	GDST	Diện tích (ha)
Lúa	Cuối nhánh - Đứng cái – Làm đòng- trỗ	28.735
Ngô	5 lá -7 lá-	6.644
Cây chè	Phát triển búp - Thu hái búp	22.126
Cây nhãn, vải	Vải, nhãn phát triển lộc Xuân, phát triển quả non	1.690
Cây na	Phát triển lộc xuân	970
Cây bưởi	Phát triển lộc Xuân - Quả non	2.162
Cây rau	Phát triển	5.136

**II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 7 NGÀY**

**1. Cây lúa**

- Rầy nâu, rầy lưng trắng: Mật độ trung bình 30 - 50 con/m<sup>2</sup>, nơi cao 600 - 800 con/m<sup>2</sup>, tuổi 3, 4. Cục bộ 1.200 con/m<sup>2</sup> (Đông Hỷ).
- Sâu cuốn lá nhỏ: Mật độ trung bình 1 - 3 con/m<sup>2</sup>, nơi cao 5 con/m<sup>2</sup>, tuổi 1-3;
- Bệnh đạo ôn: Tỷ lệ bệnh trung bình 0,1 %, nơi cao 1-2%, cục bộ 10-20% lá bị bệnh, cấp 1, 3 (Đông Hỷ, Võ Nhai, Phú Bình, Phổ Yên).
- Bệnh khô vằn: Tỷ lệ hại trung bình 1-2%, nơi cao 10-20% , cục bộ 30-35% cấp 1-3 ( Phổ Yên, Sông Công, Đông Hỷ Đại Từ, Phú Lương).
- Chuột: Tỷ lệ hại trung bình 0,15 – 0,77% , nơi cao 1,5 –4% , cục bộ 10% dành bị hại.

Ngoài ra có một số sâu bệnh khác: Đốm sọc vi khuẩn, bạc lá xuất hiện gây hại với tỷ lệ hại thấp.

## 2. Cây ngô

- Sâu cắn lá: Mật độ trung bình 0,5 con/m<sup>2</sup>, nơi cao 2 con/m<sup>2</sup>. Tuổi 2,3
- Sâu keo mùa thu: Mật độ trung bình 0,3 - 0,5 con/m<sup>2</sup>, nơi cao 1 - 2 con/m<sup>2</sup>. Tuổi 2,3.
- Bệnh đốm lá nhỏ: Tỷ lệ hại trung bình 1 - 2%, nơi cao 5 - 10%, cấp 1-3.

## 3. Cây chè

- Rầy xanh: Tỷ lệ hại trung bình 1-5 %, nơi cao 10-15% búp bị hại.
- Bọ cánh tơ: Tỷ lệ hại trung bình 1-5%, nơi cao 15-20% búp bị hại.
- Bọ xít muỗi: Tỷ lệ hại trung bình 1-2%, nơi cao 10% búp bị hại.
- Nhện đỏ: Tỷ lệ hại trung bình 1-5%, nơi cao 10% lá bị hại.
- Bệnh phòng lá: Tỷ lệ hại trung bình 1%, nơi cao 10% lá bị hại. cục bộ 15% LBH.

**4. Cây rau:** Rệp muội 1-3%, sâu tơ 1-5 con/m<sup>2</sup>, Bọ nhảy: 1-3 con/m<sup>2</sup>

## 5. Cây vải, nhãn

- Bọ xít nâu: Mật độ trung bình 0,5 con/cành, nơi cao 2-3 con/cành, tuổi N + TT.
- Nhện lông nhung: Tỷ lệ hại trung bình 1,25%, nơi cao 12,5% cành bị hại.
- Bệnh thán thư: Tỷ lệ hại trung bình 1,25%, nơi cao 12,5% cành bị hại.

**6. Cây na, bưởi:** Sâu bệnh an toàn.

## III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

\* Trên cây lúa: Bệnh đạo ôn cổ bông có thể xuất hiện trên trà lúa cây sớm, trở vào cuối tháng 4 đầu tháng 5. Bệnh khô vằn, rầy nâu, chuột gây hại tăng.

\* Trên cây ngô: Sâu ăn lá, sâu keo mùa thu, sâu đục nõn ...tiếp tục gây hại, khả năng xuất hiện bệnh khô vằn.

\* Trên cây chè: Rầy xanh, Bọ Cánh tơ, bọ xít muỗi, Nhện đỏ gây hại tăng

\* Trên cây vải, nhãn: bọ xít nâu, bệnh sương mai gây hại tăng.

\* Trên cây na, bưởi: Các đối tượng gây hại ở mức độ thấp.

## IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG

Theo dõi diễn biến thời tiết dự tính các đối tượng gây hại trên cây trồng như: Bệnh phòng lá, rầy xanh, bọ cánh tơ trên cây chè, Bệnh đạo ôn, rầy nâu trên lúa, Bọ xít nâu, Bệnh sương mai trên cây nhãn vải. Chủ động tham mưu và đề xuất các biện pháp chỉ đạo phòng trừ đạt hiệu quả, đảm bảo năng suất cây trồng./.

### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh;
- Phòng NN và Môi trường các H, TP;
- Phòng TN và Môi trường TP. Phổ Yên;
- Các Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp;
- Lưu: VT, KDTVND.

### CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Tá

**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH**  
( Từ 16/4/2025 đến ngày 23/4/2025)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước	Số với cùng kỳ NT	DTPT	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây lúa	Rầy nâu, lưng trắng	Cuối Đé nhánh- Đứng cái- làm đông- trở	50 – 150 c/m <sup>2</sup>	300 – 1.000 con/m <sup>2</sup>	5	0	0	0	5		+5	2	Đông Hỷ
	Sâu đục thân 2 chấm		0,1 – 0,7%	1 – 5%	1	0	0	0	1		+1		Đông Hỷ
	Đạo ôn		0,1 – 0,4%	1,4 - 20%	90	17	2	109	0		+38	250	Đông hỷ, Phở Yên, Phú Bình, Sông Công, Đại Từ...
	Khô vằn		2 – 5%	10 – 30, 35%	308	220		528			+163	450	Đại Từ, Phú Lương, Võ Nai, Đông Hỷ, Phở Yên...
	Chuột		0,15 – 0,77%	1,5 – 10%	25	0	0	18			+7	110	Đại Từ, Phú Lương, Võ Nai, Đông Hỷ, Phở Yên...
	Rầy xanh		1-5%	10 - 15%	172	188	0	360	0	-157	285	Đại Từ, Phú Lương,	



Cây chè	Bọ cánh tơ	Phát triển búp – Thu hái	1-5%	152	168	0	320	0	0	350	Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phố Yên...	
	Bọ xít muỗi		1-5%	80	52	0	132	0	0	102		
	Nhện đỏ		1-5%	45	8	0	53	0	0	51		
Cây ăn quả	Phòng lá chè	Phát triển lộc Xuân - mầm hoa - Quả non	1-2%	56	10	0	56	0	0	32	Đại Từ, Phú Lương, TPTN..	
	Nhện lông nhung		1,25%	4	0	0	4	0	0	4	Đồng Hỷ, Võ Nhai..	
	Bọ xít nâu		0,5 con/m <sup>2</sup>	12	2	0	14	0	0	10	Đồng Hỷ, Võ Nhai..	
	Thán thư		1,25%	2	0	0	2	0	0	2	2	Đồng Hỷ, Võ Nhai..

